

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 568/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trương Thị Mai T**, sinh ngày 12/6/1975. CCCD số: 086175000421. Địa chỉ: Số F, đường M, phường P, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh ngày 09/3/1976. CCCD số: 086076002085. Địa chỉ: số F, đường M, phường P, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trương Thị Mai T và ông Nguyễn Hữu N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Nguyên đơn bà Trương Thị Mai T và bị đơn ông Nguyễn Hữu N có 02 con chung tên Nguyễn Phúc N1, sinh ngày 04/5/2003 và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 29/3/2014.

Đối với con chung Nguyễn Phúc N1, sinh ngày 04/5/2003, hiện nay con

chung Nguyễn Phúc N1 đã trưởng thành nên bà Trương Thị Mai T và ông Nguyễn Hữu N không yêu cầu giải quyết.

Đối với con Nguyễn Phúc H, sinh ngày 29/3/2014, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận giao con chung Nguyễn Phúc H cho bà Trương Thị Mai T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Bị đơn ông Nguyễn Hữu N không thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu xem xét giải quyết và thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Nguyên đơn bà Trương Thị Mai T và bị đơn ông Nguyễn Hữu N không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị Mai T tự nguyện nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001449 ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nguyên đơn bà Trương Thị Mai T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 1-Vĩnh Long;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Hồng Diệp